

**KẾ HOẠCH
Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023**

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Thực hiện Công văn số 2752/LSĐTBXH-VPQGGN ngày 19/7/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát và gửi dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023;

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023, với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đến thời điểm cuối năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 để làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2023 và thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội năm 2024.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phải được thực hiện từ thôn, buôn, tổ dân phố; đảm bảo chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, có ý kiến tham gia của người dân về kết quả rà soát. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng rà soát không đúng hộ nghèo, hộ cận nghèo để được hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

- Kết thúc rà soát, từng thôn, buôn, tổ dân phố (sau đây gọi là cấp thôn), từng xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã), từng huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện) phải xác định chính xác và lập danh sách để theo dõi, quản lý: Hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; hộ nghèo phát sinh, hộ cận nghèo phát sinh; hộ tái nghèo, hộ tái cận nghèo.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

2. Đối tượng, phạm vi

Hộ gia đình trên địa bàn toàn tỉnh; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

3. Phương pháp

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

4. Quy trình rà soát, xác định

Thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo.

5. Kinh phí rà soát

5.1. Kinh phí cấp tỉnh:

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các quy định hiện hành.

5.2. Kinh phí cấp huyện:

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh quy định mức

chi chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các quy định hiện hành, gồm:

a) In, phô tô bổ sung tài liệu hướng dẫn, phiếu, biểu mẫu điều tra thống kê (theo nhu cầu thực tế).

b) Tập huấn cho Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện, cấp xã và rà soát viên trực tiếp tham gia rà soát.

c) Kiểm tra, giám sát, phúc tra điều tra thống kê.

d) Tiền công rà soát: Thực hiện khoán theo mức cụ thể như sau:

- Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Phụ lục số 01: 1.000 đồng/hộ.
- Nhận dạng nhanh hộ gia đình theo Phụ lục số 02 (Phiếu A): 5.000 đồng/hộ.
- Rà soát thông tin hộ gia đình theo Phụ lục số 03 (Phiếu B): 35.000 đồng/hộ.

- Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, sau khi rà soát theo Phụ lục số 06: 1.000 đồng/hộ.

đ) Chi xử lý kết quả điều tra thống kê

- Nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra thống kê: Thực hiện khoán theo mức cụ thể sau:

- + Phụ lục số 01; Phụ lục số 06: 50 đồng/hộ.
- + Phụ lục số 02 (Phiếu A): 300 đồng/hộ.
- + Phụ lục số 03 (Phiếu B): 2.000 đồng/hộ.

- Chi nhập tin và xử lý dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo: Hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2021, 2022 và hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh mới năm 2023 (nếu có phần mềm quản lý hộ nghèo): 8.000 đồng/hộ.

e) Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp huyện, cấp xã theo các biểu tổng hợp: 150.000 đồng/biểu; cấp thôn, buôn theo các biểu tổng hợp: 200.000 đồng/biểu.

f) Các khoản chi khác liên quan đến cuộc điều tra thống kê: Tuyên truyền, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc...

5.3. Nguồn kinh phí thực hiện

- Kinh phí cấp tỉnh (mục 5.1, phần II kế hoạch này): Từ nguồn kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 7 - Giám sát, đánh giá thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 đã phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh về việc giao kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang 2023 theo Công văn số 758/STC-QLNS ngày 27/3/2023 của Sở Tài chính về việc thông báo hạch toán chuyển nguồn kinh phí năm 2022 sang năm 2023.

- Kinh phí cấp huyện (mục 5.2, phần II kế hoạch này): Do ngân sách các huyện, thị xã, thành phố bảo đảm hoặc từ nguồn kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 7 - Giám sát, đánh giá thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 đã phân bổ cho UBND các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh về việc giao kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 và kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang 2023 theo Công văn số 758/STC-QLNS ngày 27/3/2023 của Sở Tài chính về việc thông báo hạch toán chuyển nguồn kinh phí năm 2022 sang năm 2023.

Các khoản kinh phí phát sinh ngoài kế hoạch này có liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023, UBND các huyện, thị xã, thành phố xem xét, bố trí thực hiện theo đúng quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Bắt đầu từ ngày **01/9/2023**.

- Thời gian báo cáo của UBND cấp huyện: Báo cáo kết quả sơ bộ trước ngày **10/11/2023** và báo chính thức trước ngày **05/12/2023**, gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt kết quả trước ngày **10/12/2023**.

2. Phân công trách nhiệm

a) Các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tại cấp huyện, cấp xã theo địa bàn phân công tại Thông báo số 156/TB-BCĐRSHN ngày 20/12/2021 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 về việc phân công địa bàn cho các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh giai đoạn 2022 - 2025, để các địa phương thực hiện rà soát đảm bảo tiến độ và chất lượng theo yêu cầu đề ra;

- Kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh; thường xuyên báo cáo tình hình về kết quả rà soát và những vấn đề phát sinh, những khó khăn, vướng mắc cho UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tổ chức tuyên truyền cho các ngành, các cấp và người dân biết, hiểu về ý nghĩa, mục đích, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cho cán bộ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện và cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã; thống nhất mẫu biểu rà soát và in ấn cấp phát

cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để cấp phát cho cấp xã, cấp thôn.

- Phối hợp với UBND cấp huyện thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình;

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp huyện thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, tổ chức thực hiện cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định;

- Tổ chức kiểm tra, phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, đặc biệt là các địa bàn có kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại;

- Tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo chung toàn tỉnh; báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện và phân công địa bàn cho thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện (nếu có thay đổi);

- Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương xây dựng, ban hành kế hoạch và bố trí kinh phí để tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Tổ chức tuyên truyền cho các ngành, cơ sở và người dân biết, hiểu về ý nghĩa, mục đích, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Tổ chức tập huấn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn cho rà soát viên cấp thôn, Ban Chỉ đạo rà soát cấp huyện, cấp xã;

- Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình;

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp xã thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, tổ chức thực hiện cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vào phần mềm quản lý theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định;

- Tổ chức kiểm tra, phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp xã, đặc biệt là các địa bàn có kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại;

- Có ý kiến về báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của UBND cấp xã; tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo chung toàn huyện và báo cáo UBND cấp tỉnh;

- Trên cơ sở tài liệu hướng dẫn và mẫu biểu rà soát của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã cấp phát, nếu thiếu in, phô tô bổ sung thêm để cấp phát kịp thời cho giám sát viên, điều tra viên thực hiện rà soát.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 trên địa bàn tỉnh, yêu cầu các đơn vị phối hợp triển khai thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất những vấn đề vướng mắc, phát sinh về UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để được xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - TB&XH (b/cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TV BCĐ rà soát hộ nghèo tỉnh;
- Các sở: LĐTB&XH, TC;
- UBND các huyện, Tx, Tp;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KT; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (N-5b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

H'Yim Kđoh